ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 388 /QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình *(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP11.

ĐN/KSTT2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
Email: vpubnd@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình
Thời gian ký: 01/08/2019 10:10:11

Tống Quang Thìn

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)			Cơ chế thực hiện		TTHC được công bố tại Quyết định
		Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết thực tế		Một cửa	Một cửa liên thông	
			Trong ngày	Ghi giấy hẹn ngày làm việc			
I	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (18 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực thủy sản**						
1.1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	63 ngày làm việc		63	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc		07	x		

		Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí danh giới khu vực địa lý được giao, phạm vi quyền được giao, phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày làm việc.		63	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.3	Công bố mở cảng cá loại 3	08 ngày làm việc		08	x		
2	**Lĩnh vực thủy lợi**						
2.1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	30 ngày làm việc		30	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	30 ngày làm việc		30	x		
2.3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.	15 ngày làm việc		15	x		

2.4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20 ngày làm việc		20	x		
3	**Lĩnh vực lâm nghiệp**						
3.1	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.2	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	23 ngày làm việc		23	x		
3.3	Xác nhận bảng kê lâm sản	Trường hợp không cần xác minh nguồn gốc lâm sản: 03 ngày làm việc		03	x		
		Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: 07 ngày làm việc		07			

4	**Lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường**						
4.1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc		60	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5	**Lĩnh vực kinh tế hợp tác**						
5.1	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	13 ngày làm việc		13		x	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5.2	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	05 ngày làm việc		05	x		
5.3	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	13 ngày làm việc		13		x	
5.4	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc		30	x		
5.5	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	60 ngày làm việc		60		x	
5.6	Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc		25	x		
II	**LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (6 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử**						
1.1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc		05	x		

1.3	Gia hạn giấy chứng nhận điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc		05	x		
1.4	Cấp lại giấy chứng nhận điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc		05	x		
2	**Lĩnh vực In, xuất bản, phát hành**						
2.1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.	05 ngày làm việc			x		Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ.	05 ngày làm việc			x		
III	**LĨNH VỰC XÂY DỰNG (5 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực xây dựng**						
1.1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Đối với nhà ở riêng lẻ là 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		15	x		
		Các công trình còn lại là: 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		30			

1.3	Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Đối với nhà ở riêng lẻ là 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		15	x		Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
		Các công trình còn lại là: 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		30			
		Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		05			
2	**Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc**						
2.1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		20	x		Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.
		Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		15	x		
2.2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	25 ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;		25	x		Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.

IV	**LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (18 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước**						
1.1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc		7	x		
1.3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc (giấy phép hết thời hạn hiệu lực)		10	x		
		07 ngày làm việc (giấy phép bị mất hoặc bị hỏng)		7	x		
1.4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc		10	x		
1.5	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc		7	x		
1.6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc (giấy phép hết thời hạn hiệu lực)		10	x		Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
		07 ngày làm việc (giấy phép bị mất hoặc bị hỏng)		7	x		
1.7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện/Thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc		10	x		
1.8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện/Thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc		7	x		
1.9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện/Thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc (giấy phép hết thời hạn hiệu lực)		10	x		
		07 ngày làm việc (giấy phép bị mất hoặc bị hỏng)		7	x		

1.10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc		15	x		
1.11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc		15	x		
1.12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc (giấy phép bị mất hoặc bị hỏng)		15	x		
		15 ngày làm việc (giấy phép đã cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)		15	x		
2	**Lĩnh vực công nghiệp địa phương**						
2.1	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	30 ngày làm việc		30	x		Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3	**Lĩnh vực kinh doanh khí**						
3.1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc		7	x		
3.3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc		7	x		
4	**Lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện**						
4.1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	20 (ngày làm việc		20	x		Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

4.2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	20 ngày làm việc		20	x		
V	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (9 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Đường thủy nội địa**						
1.1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	3 ngày làm việc		3	x		
1.3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	3 ngày làm việc		3	x		
1.4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	3 ngày làm việc		3	x		
1.5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		
1.6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		

1.7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		
1.9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (16 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực quản lý công sản**						
1.1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	30 ngày làm việc		30	x		Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	30 ngày làm việc		30	x		
1.3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	30 ngày làm vệc		30	x		
1.4	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	30 ngày làm việc		30	x		

1.5	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	60 ngày làm việc		60	x		Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.6	Quyết định điều chuyển tài sản công	30 ngày làm việc		30	x		
1.7	Quyết định bán tài sản công	30 ngày làm việc		30	x		
1.8	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	07 ngày làm việc		07	x		
1.9	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	07 ngày làm việc		07	x		
1.10	Quyết định thanh lý tài sản công	30 ngày làm việc		30	x		
1.11	Quyết định tiêu hủy tài sản công	30 ngày làm việc		30	x		
1.12	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	30 ngày làm việc		30	x		
1.13	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	30 ngày làm việc		30	x		
1.14	Mua quyền hóa đơn	05 ngày làm việc		05	x		
1.15	Mua hóa đơn lẻ	05 ngày làm việc		05	x		

1.16	Thủ tục giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII	**LĨNH VỰC TƯ PHÁP (32 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Hộ tịch**						
1.1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		01	x		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày		15	x		
1.3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		01	x		
		Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc		03			
1.4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày		15	x		
1.5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày		15	x		
1.6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên		03	x		
		05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử		05			

1.7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày		02	x		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		01	x		
		03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.		03 - 06			
1.9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày		12	x		
1.10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày		12	x		
1.11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.		01 - 03	x		

1.12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc		05 - 13	x		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc		05 - 13	x		
1.14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc		05 - 13	x		
1.15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.		05 - 10	x		
2	**Lĩnh vực Bồi thường nhà nước**						
2.1	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày		15	x		Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	39 0-105 ngày làm việc		39 - 105		x	
3	**Lĩnh vực Chứng thực**						
3.1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.		01	x		Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Trường hợp phức tạp: thêm 02 ngày hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		01 - 03	x		

3.3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Trường hợp phức tạp: thêm 02 ngày hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		01 - 03	x		Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.		01	x		
3.5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.		01	x		
3.6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.		01	x		
3.7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.		01	x		
3.8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	- Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		01 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		
3.9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	- Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		01 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		

3.10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		
3.12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		
4	**Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật**						
4.1	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	05 ngày		05	x		Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4.2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	05 ngày		05	x		
5	**Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở**						
5.1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	11 ngày làm việc		11		x	Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
VIII	**LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (21 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh**						
1.1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc		03	x		Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc		03	x		
1.3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	03 ngày làm việc		03	x		

1.4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không quy định			x		Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
1.5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc		03	x		
2	**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã**						
2.1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc		03	x		
2.6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc		03	x		
2.7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc		03	x		
2.8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc		03	x		
2.9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc		03	x		
2.10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		

2.13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
2.16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc		03	x		
IX	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (36 TTHC)**						
1	Thành lập trường THCS công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục	25 ngày làm việc		25	x		Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	Cho phép trường THCS hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		20	x		
3	Thủ tục cho phép trường THCS hoạt dộng trở lại	20 ngày làm việc		20	x		
4	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường Trung học cơ sở	40 ngày làm việc		40	x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5	Giải thể trường Trung học cơ sở	20 ngày làm việc		20	x		
6	Thủ tục thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	45 ngày làm việc		45	x		
7	Thủ tục cho phép trường phô thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		20	x		
8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	25 ngày làm việc		25	x		Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	Không quy định		Không quy định	x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		20	x		
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
13	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	40 ngày làm việc		40	x		
14	Thủ tục giải thể trường tiểu học	20 ngày làm việc		20	x		
15	Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
16	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	15 ngày làm việc		15	x		
17	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		20	x		
18	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường THCS	Không quy định		Không quy định	x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
19	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	35 ngày làm việc		35	x		
20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	30 ngày làm việc		30	x		

21	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	30 ngày làm việc		30	x		
22	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
23	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
24	Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	15 ngày làm việc		15	x		
25	Thủ tục công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Không quy định			x		
26	Thủ tục quy trình đánh giá xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	15 ngày làm việc		15	x		
27	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	40 ngày làm việc		40	x		
28	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	30 ngày làm việc		30	x		
29	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục mầm non dân lập	30 ngày làm việc		30	x		
30	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Không quy định			x		

31	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định			x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
32	Thuyên chuyển đối tượng bổ túc trung học cơ sở	Không quy định			x		
33	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	5 ngày làm việc		5	x		
34	Thủ tục xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biết khó khăn	23 ngày làm việc		23	x		
35	Thủ tục xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biết khó khăn	Công lập 10; ngoài Công lập 40 ngày làm việc		10 - 40	x		
36	Thủ tục hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo	65 ngày làm việc		65	x		
X	**LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (14 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực văn hóa cơ sở**						
1.1	Công nhận lần đầu "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 414/QĐ - UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	8 ngày làm việc		8	x		Quyết định số 536/QĐ - UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.3	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	8 ngày làm việc		8	x		

1.4	Công nhận lần đầu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	5 ngày làm việc		5	x		Quyết định số 414/QĐ - UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.5	Công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	5 ngày làm việc		5	x		
1.6	Công nhận lần đầu "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	5 ngày làm việc		5	x		
1.7	Công nhận lại "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	5 ngày làm việc		5	x		
2	**Lĩnh vực thư viện**						
2.1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định số 414/QĐ - UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	**Lĩnh vực gia đình**						
3.1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	30 ngày làm việc		30	x		Quyết định số 414/QĐ - UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	15 ngày làm việc		15	x		
3.3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	20 ngày làm việc		20	x		
3.4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	30 ngày làm việc		30	x		
3.5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15 ngày làm việc		15	x		
3.6	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	20 ngày làm việc		20	x		

XI	**LĨNH VỰC Y TẾ (01 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực an toàn thực phẩm**						
1.1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế (*Tuyến huyện chỉ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống*)	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
XII	**LĨNH NỘI VỤ (16 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo**						
1.1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
1.3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
1.4	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		

1.5	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	25 ngày làm việc		25	x		Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.6	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	25 ngày làm việc		25	x		
1.7	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	25 ngày làm việc		25	x		
1.8	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
2	**Lĩnh vực thi đua khen thưởng**						
2.1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	15 ngày làm việc		15	x		
2.3	Thủ tục tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa	15 ngày làm việc		15	x		

2.4	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	15 ngày làm việc		15	x		
2.6	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	15 ngày làm việc		15	x		
2.7	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	15 ngày làm việc		15	x		
2.8	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	15 ngày làm việc		15	x		
XIII	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (25 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Người có công**						
1.1	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	4 ngày làm việc		4	x		Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	Không quy định			x		
2	**Lĩnh vực An toàn lao động**						
2.1	Hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	14 ngày làm việc		14	x		Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

3	**Lĩnh vực Lao động, Tiền lương, quan hệ lao động**						
3.1	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền.	5 ngày làm việc		5	x		Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**						
4.1	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng):	5 ngày làm việc		5		x	Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4.2	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc:	Không quy định				x	
4.3	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2 ngày làm việc		2	x		
4.4	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Không quy định				x	
4.5	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội .	5 ngày làm việc		5	x		

4.6	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4.7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày làm việc		15	x		
4.8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	32 ngày làm việc		32		x	
4.9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	tiếp nhận ngay	x			x	
4.10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	theo thỏa thuận			x		
4.11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	7 ngày làm việc		7		x	
4.12	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4.13	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	8 ngày làm việc		8		x	

4.14	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	6 ngày làm việc		6		x	Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4.15	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	28 ngày làm việc		28		x	
5	**Lĩnh vực Trẻ em**						
5.1	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.5 ngày làm việc		1,5	x		QĐ 185/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5.2	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	5 ngày làm việc		5	x		
6	**Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội**						
6.1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc		11		x	Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
6.2	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	7 ngày làm việc		7		x	
6.3	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	7 ngày làm việc		7		x	

7	**Lĩnh vực Giao dục nghề nghiệp**						
7.1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	3 ngày làm việc		3	x		
XIV	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (10 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực đất đai**						
1.1	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	45 ngày làm việc		45	x		Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 55 ngày làm việc		55			
1.2	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	30 ngày làm việc		30	x		
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 ngày làm việc		40			
1.3	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	20 ngày làm việc		30	x		
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 30 ngày làm việc		30			

1.4	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 25 ngày làm việc		25			
1.5	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc		10	x		
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 20 ngày làm việc		20			
1.6	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	Không quy định		Không quy định	x		
1.7	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày làm việc		30	x		
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 ngày làm việc		40			
1.8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; *tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền*	20 ngày làm việc		20	x		
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 30 ngày làm việc		30			

	sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận						
1.9	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày làm việc		30	x		Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 ngày làm việc		40			
1.10	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	30 ngày làm việc		30	x		
		Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		40			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)			Cơ chế thực hiện		TTHC được công bố tại Quyết định
		Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết thực tế		Một cửa	Một cửa liên thông	
			Trong ngày	Ghi giấy hẹn (Ngày làm việc)			
I	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (05 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực trồng trọt**						
1.1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc		05	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	**Lĩnh vực thủy lợi**						
2.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày làm việc		07	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

2.2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày làm việc		20	x		
3	**Lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường**						
3.1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc		60	x		Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
II	**LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (02 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện**						
1.1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc		20	x		Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc		20	x		

III	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (09 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Đường thủy nội địa**						
1.1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định 353/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	3 ngày làm việc		3	x		
1.3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	3 ngày làm việc		3	x		
1.4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	3 ngày làm việc		3	x		
1.5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		
1.6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		

1.7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định 353/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		
1.9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định 105/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
IV	**LĨNH VỰC TƯ PHÁP (36 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Hộ tịch**						
1.1	Đăng ký khai sinh	01 ngày làm việc		01	x		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17/5/ 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Đăng ký kết hôn	01 - 05 ngày làm việc		01 - 05	x		
1.3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc		03	x		
1.4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		03 - 08	x		
1.5	Đăng ký khai tử	01 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		01 - 03	x		

1.6	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc		05	x		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17/5/ 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.7	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc		05	x		
1.8	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc		05	x		
1.9	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc		03	x		
1.10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc		02	x		
1.11	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	01 ngày. Trường hợp yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch là 03 ngày làm việc. Ttrường hợp phải xác minh thì không quá 06 ngày làm việc.		01- 03 - 06	x		
1.12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày. Trường hợp phải gửi văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc		03 - 06	x		
1.13	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc		05 - 13	x		
1.14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc		05 - 13	x		

1.15	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc		05 - 13	x		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17/5/ 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.16	Đăng ký lại khai tử	05 ngày. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.		05 - 10	x		
2	**Lĩnh vực nôi con nuôi**						
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày làm việc		30	x		Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc		05	x		Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3	**Lĩnh vực Bồi thường nhà nước**						
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	39 -105 ngày làm việc		39 - 105		x	Quyết định 400/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4	**Lĩnh vực Chứng thực**						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	01 ngày làm việc		01	x		Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	01 ngày. Trường hợp phức tạp: thêm 02 ngày hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		01 - 03	x		Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	01 ngày làm việc		01	x		
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	01 ngày làm việc		01	x		
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	01 ngày làm việc		01	x		
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	01 ngày làm việc		01	x		
7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		
8	Chứng thực di chúc	02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		
9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		

11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản		02 ngày hoặc có thể kéo dài hơn	x		Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5	**Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật**						
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 ngày làm việc		05	x		Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	Thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	03 ngày làm việc		03	x		
6	**Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở**						
1	Công nhận hòa giải viên	05 ngày làm việc		05	x		Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	05 ngày làm việc		05	x		
3	Thôi làm hòa giải viên	05 ngày làm việc		05	x		
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	08 ngày làm việc		08	x		
V	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (04 TTHC)**						
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	20 ngày làm việc		20	x		
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc		20	x		
4	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	25 ngày làm việc		25	x		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

VI	**LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (05 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực văn hóa cơ sở**						
1.1	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	05 ngày làm việc		5	x		Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	05 ngày làm việc		5	x		
1.3	Công nhận gia đình văn hóa	05 ngày làm việc		5	x		Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	**Lĩnh vực thư viện**						
2.1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	3 ngày làm việc		3	x		Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3	**Lĩnh vực thể dục thể thao**						
3.1	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	7 ngày làm việc		7	x		Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
VII	**LĨNH VỰC Y TẾ (01 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực dân số kế hoạch hóa gia đình**						
1.1	Thủ tục Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 03/6/2019

VIII	**LĨNH VỰC NỘI VỤ (15 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực tín ngưỡng, tông giáo**						
1.1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	15 ngày		10	x		Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	15 ngày		15	x		
1.3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	20 ngày		20	x		Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
1.5	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
1.6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	15 ngày làm việc		15	x		
1.7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	15 ngày làm việc		15	x		
1.8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	20 ngày làm việc		20	x		

1.9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
1.10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ	x		x		
2	**Lĩnh vực thi đua khen thưởng**						
2.1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị.	10 ngày lam việc		10	x		Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề.	10 ngày lam việc		10	x		
2.3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất.	10 ngày lam việc		10	x		
2.4	Thủ tục tặng danh hiệu Gia đình văn hóa	10 ngày lam việc		10	x		
2.5	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	10 ngày lam việc		10	x		
IX	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (18 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực Người có công**						

1.1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	01 ngày làm việc	x		x		Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	01 ngày làm việc	x		x		
2	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**						
2.1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc		25	x		Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	5 ngày làm việc		5	x		
2.3	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Không quy định			x		Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.4	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng.	Không quy định			x		
2.5	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.	8 ngày làm việc		8	x		Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2.6	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

3	**Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội**						
3.1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 ngày làm việc		03	x		Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
3.2	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	03 ngày làm việc		03	x		
4	**Lĩnh vực giảm nghèo**						
4.1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	07 ngày làm việc		7	x		Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4.2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	07 ngày làm việc		7	x		
5	**Lĩnh vực trẻ em**						
5.1	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.5 ngày làm việc	x	1,5	x		Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5.2	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	5 ngày làm việc		5	x		
5.3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	07 ngày làm việc		7	x		
5.4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc		15	x		

5.5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc		15	x		Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5.6	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	15 ngày làm việc		15	x		
X	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (05 TTHC)**						
1	**Lĩnh vực đất đai**						
1.1	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày làm việc		03	x		Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình
1.2	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	10 ngày làm việc		10	x		Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình
1.3	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	10 ngày làm việc		10	x		
1.4	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	10 ngày làm việc		10	x		
1.5	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	10 ngày làm việc		10	x		